

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024”

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 3**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: **ThS VŨ QUỐC CHÍNH**

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: **VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2024

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2024

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 3**

CƠ QUAN THỰC HIỆN
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024” do Cục Thủy lợi quản lý. Đơn vị thực hiện là Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện năm 2024, gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺ theo tuần/tháng tại các vị trí lấy mẫu trong tháng quan trắc. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, gửi cho đơn vị quản lý và các đơn KTCTTL tại các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 3 lấy mẫu ngày 6/3/2024. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2024

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 3

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 6/3/2024

Ngày cung cấp TT: 7/3/2024

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 6/3/2024 vào giai đoạn hệ thống trữ nước đệm, lấy nước tối đa vào hệ thống. Thời điểm này Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải điều hành quy trình vận hành hệ thống như sau: Xuân Quan trữ nước hạ lưu; Báo Đáp, Kênh Cầu, Lục Điền, cống Tranh mở thông; Neo, Bá Thủy trữ nước thượng lưu; Cầu Xe, An Thổ; Cầu Cát lấy nước ngược và phục vụ giao thông thủy.

- Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Cống Xuân Quan mở lấy nước; cống Neo, Bá Thủy đóng trữ nước thượng lưu; An Thổ, Cầu Xe, Âu Cầu Cát đóng chờ triều lấy nước ngược; Lục Điền, cống Tranh đóng do sông Kim Sơn ô nhiễm; Kênh Cầu mở thông. Các cống tiêu Xuân Thụy, Ngọc Lâm đóng kín; Phần Hà mở đáy; Ngọc Đà và Bình Lâu mở thông.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và MT

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 3 (So sánh với QCVN 08 :2023/BTNMT Bảng 2, mức B)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Cống Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụy	- Cống mở, dòng chảy yếu. Mục nước TL = 143cm; HL = 140 cm; - Nước có màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	20,5	6,66	5,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. - Lấy được nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	- Kiểm tra nước sông Cầu Bâ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng	- Cống đóng kín, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL = 145 cm; HL = 138 cm;	21,9	6,41	1,2	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. Tăng cường lấy nước qua

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.	- Nước có màu đen kịt, mùi hôi thối nồng nặc, nhiều rác thải.				các trạm bơm lấy nước từ sông Kim Sơn. Không nên mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	- Kiểm tra nước sông Đĩnh Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang	- Dòng chảy yếu theo hướng từ cầu Tăng Bảo về TB Như Quỳnh. - Nước đen, mùi hôi, nhiều rác thải và có váng dầu trên mặt.	21,3	6,19	2,1	- DO < 3 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước cho NTTS.
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đĩnh Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo	- Cống mở thông, mặt nước tĩnh, dòng chảy rất yếu. Mực nước TL= HL =135 cm; - Nước màu đen, mùi hôi, nhiều rác thải và bèo tây.	20,8	6,39	2,8	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước cho NTTS.
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đĩnh Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.	- Cống mở thông 2 cửa, dòng chảy trung bình. - Nước trên kênh có màu xám đen, mùi hôi thối nồng nặc, không rác thải. Hạ lưu sau cống, nổi nhiều bọt trắng.	22,1	6,42	1,7	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đĩnh Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục mùi hơi hôi, nhiều rác thải. 	21,5	6,36	3,0	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy nước phục vụ cho SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
7	BHH7	Cống Phần Hà	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở đáy, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. - Nước màu xanh lục, mùi hơi hôi, nhiều rác thải trước cống. 	22,2	6,91	2,9	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 3 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước cho NTTS.
8	BHH8	Cống Bá Thủy	<ul style="list-style-type: none"> - Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 133 cm; HL= 85 cm. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ. Nhiều bèo tây và rác thải trước cống. 	21,2	6,69	3,8	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được cho SXNN. - Hạn chế lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
9	BHH9	Cống Bình	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. 	21,8	6,52	1,3	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		Lâu	viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Nước màu đen, mùi hôi thối nồng nặc, không có rác thải				- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS - Không nên mở cống Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cống Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	- Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 135, HL= 12 cm. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, có rác thải và có cá chết nổi.	22,2	6,57	3,8	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được cho SXNN. - Hạn chế lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
11	BHH11	Cống An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 82 cm; HL= -27 cm - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều bèo tây và rác thải.	21,4	6,67	4,3	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 84 cm; HL= -33 cm - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, không có rác thải.	22,2	6,53	4,5	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
13	BHH13	Cống Lục Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 135 cm; HL= 127 cm. - Nước màu đen, mùi hôi,	20,9	6,80	2,9	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy nước tưới nhưng không sử dụng nước cho NTTS.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
				nhiều rác thải.				
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN. 	<ul style="list-style-type: none"> Mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều rác thải. 	23,1	6,37	3,1	<ul style="list-style-type: none"> DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Lấy và trữ nước được SXNN. Hạn chế lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
15	BHH15	Cống Neo	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước sông Cửu An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên. 	<ul style="list-style-type: none"> Cống đóng kín, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mức nước TL= 90 cm; HL= 79 cm Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều rác thải. 	23,3	6,92	4,0	<ul style="list-style-type: none"> DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. Lấy và trữ nước được SXNN. Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng, ao sinh học thả bèo và tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
QCVN 08:2023/BTNMT, mức B - Bảng 2				-	-	6,0-8,5	≥5	-

Ghi chú: - QCVN08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Bảng 2, Mức B: Chất lượng nước trung bình. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.